

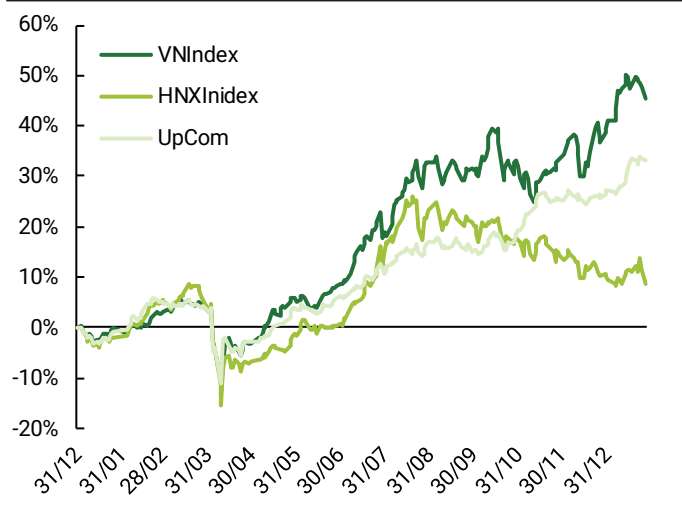
VN-Index **1843.72 (-1.45%)**
 1174 Tr. cổ phiếu 32282.7 Tỷ VND (9.37%)

HNX-Index **247.3 (-2.24%)**
 91 Tr. cổ phiếu 1986.9 Tỷ VND (-4.06%)

UPCOM-Index **126.56 (-0.40%)**
 51 Tr. cổ phiếu 748.1 Tỷ VND (-54.20%)

VN30F1M **2036.00 (-1.93%)**
 264,755 HD OI: 40,333 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1843.7, giảm -27.1 điểm (-1.45%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Các cổ phiếu dẫn dắt thuộc nhóm Doanh nghiệp Nhà nước không còn tạo ra được sự lan tỏa, thay vào đó là các bước tăng đơn lẻ, cùng với các trụ cột lớn như Vingroup, Vietjet cũng mất đà khiến thị trường mất đi lực đỡ. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tiện ích: GAS (+6.9%), POW (+0.7%) | Hóa chất: GVR (+4.7%), DPR (+2.8%) | Dầu khí: PLX (+4.4%), BSR (+1.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: HDB (-4.2%), EIB (-4.2%), SHB (-3.4%) | Bất động sản: KBC (-6.9%), NVL (-5.2%), DXS (-5.1%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-6.4%), VND (-4.6%) | Thực phẩm và đồ uống: HAG (-7.0%), IDI (-4.7%), MSN (-2.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-6.9%), GMD (-6.6%), VOS (-6.4%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, BID, VCB, GVR, VNM - Chiều giảm | VIC, VHM, VJC, MBB, HDB
 Khối ngoại Mua ròng gần 100 tỷ, tập trung nhiều ở BID, VNM, VCI, trong khi bán ròng VCB, DGC, MWG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu nến Marubozu, hàm ý lực cung chiếm ưu thế. Thanh khoản chỉ tăng nhẹ cho thấy lực cầu bắt đáy chưa nhập cuộc mạnh. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng đang suy yếu cùng với sự phân hóa trở lại, khi nhóm dẫn dắt không tạo được sự lan tỏa như trước mà chỉ tập trung vào những cổ phiếu riêng lẻ, điều này dẫn đến thị trường đang chuyển sang pha điều chỉnh ngắn hạn. Hiện vùng 1840 – 1850 là hỗ trợ gần, cũng ứng với MA20 ngày, chỉ số có thể bật tăng kỹ thuật tại đây. Tuy nhiên, nếu nhóm trụ tiếp tục suy yếu và lực cầu vẫn dè chừng, thị trường có khả năng điều chỉnh về vùng tâm lý 1800 điểm.
- HNX-Index** cũng kết phiên với mẫu hình nến giảm Marubozu và quay trở lại vùng đáy cũ quanh khu vực 245 - 248. Vận động có thể trở lại giằng co, kiểm định thêm lực cầu quanh đây. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện là ngưỡng 252.
- Chiến lược chung:** Nhịp phục hồi nên tận dụng đưa tài khoản về tỷ trọng trung bình để chờ cơ hội mới xác nhận, cũng như phòng thủ trước kịch bản chỉ số có khả năng lùi về ngưỡng 1800 điểm. Quan sát thêm quá trình kiểm định lại hỗ trợ ở các cổ phiếu, tránh hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán ACB, KBC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,843.7 ▼	-1.45%	-2.8%	6.6%	32,282.7 ▲	9.4%	-14.3%	-1.4%	1,174.1 ▲	22.5%	0.7%	8.4%				
HNX-Index	247.3 ▼	-2.24%	-3.0%	-1.3%	1,986.9 ▼	-4.1%	-15.5%	-6.0%	90.6 ▼	-1.9%	-6.3%	-10.6%				
UPCOM-Index	126.6 ▼	-0.40%	0.2%	6.1%	748.1 ▼	-54.2%	-54.6%	-19.6%	50.8 ▼	-35.5%	-36.0%	-39.4%				
VN30	2,032.3 ▼	-2.2%	-3.0%	3.4%	16,992.6 ▼	-1.1%	-32.4%	-17.1%	430.5 ▲	11.4%	-35.7%	-20.9%				
VNMID	2,182.2 ▼	-2.9%	-5.0%	-1.3%	11,740.1 ▲	40.5%	18.7%	21.1%	480.6 ▲	53.7%	35.9%	20.8%				
VNSML	1,473.0 ▼	-1.76%	-2.2%	-0.1%	2,029.8 ▲	15.1%	55.0%	26.1%	131.3 ▲	22.4%	54.6%	34.7%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	686.8 ▼	-0.8%	-1.00%	11.5%	9,358.9 ▲	10.93%	-17.3%	-7.6%	346.2 ▲	34.4%	-2.4%	0.1%				
Bất động sản	792.6 ▼	-3.2%	1.3%	0.1%	3,309.1 ▼	-5.7%	-31.3%	-37.5%	147.6 ▲	22.9%	-8.9%	-4.4%				
Dịch vụ tài chính	321.4 ▼	-2.0%	0.1%	5.1%	5,142.1 ▲	17.6%	5.1%	25.4%	206.2 ▲	28.9%	10.3%	32.0%				
Công nghiệp	268.5 ▼	-4.1%	-3.8%	3.8%	1,652.4 ▲	28.4%	-7.2%	6.8%	49.3 ▲	42.9%	10.0%	28.7%				
Tài nguyên cơ bản	521.4 ▼	-1.7%	-2.9%	0.3%	1,128.5 ▲	20.0%	-5.7%	-17.7%	49.8 ▲	33.6%	0.2%	-12.7%				
Xây dựng - Vật Liệu	180.8 ▼	-2.5%	-1.1%	0.2%	1,616.7 ▲	60.0%	34.5%	38.7%	81.2 ▲	57.9%	33.5%	46.5%				
Thực phẩm	545.3 ▼	-0.4%	-2.0%	0.4%	2,240.3 ▼	-6.8%	-11.1%	7.5%	59.7 ▲	21.2%	9.6%	26.2%				
Bán Lẻ	1,536.8 ▼	-2.5%	-1.4%	0.1%	943.7 ▼	-23.6%	1.8%	-0.3%	14.1 ▼	-37.1%	-2.2%	6.7%				
Công nghệ	526.3 ▼	-2.5%	-4.1%	7.3%	1,288.3 ▲	24.6%	-8.1%	29.6%	15.1 ▲	30.4%	-4.8%	23.1%				
Hóa chất	197.4 ▲	1.28%	3.3%	27.1%	1,480.0 ▲	12.2%	6.0%	41.4%	39.7 ▲	33.4%	14.8%	45.1%				
Tiện ích	894.2 ▲	3.7%	-0.1%	30.2%	1,064.1 ▲	47.0%	23.5%	38.7%	30.8 ▲	15.7%	11.6%	12.9%				
Dầu khí	103.2 ▲	2.09%	3.1%	33.9%	1,685.2 ▼	-4.7%	9.5%	42.6%	51.5 ▼	-15.6%	2.5%	19.7%				
Dược phẩm	449.0 ▼	-0.2%	0.4%	4.6%	49.3 ▲	6.6%	-15.3%	-10.3%	2.3 ▼	-20.1%	-2.7%	1.8%				
Bảo hiểm	107.4 ▼	-5.5%	-2.2%	24.0%	155.7 ▲	31.8%	14.3%	27.4%	3.1 ▲	18.8%	7.1%	10.3%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,843.7 ▼	-1.45%	45.5%	18.2x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,307 ▼	-0.56%	-6.7%	14.0x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,975 ▬	0.27%	26.8%	22.3x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,799 ▲	1.09%	1.7%	16.8x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,274 ▼	-0.94%	-3.9%	10.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,133 ▼	-0.09%	23.3%	19.8x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,766 ▬	0.06%	33.4%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,885 ▼	-1.79%	32.6%	22.4x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,916 ▬	0.03%	17.6%	27.6x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,099 ▼	-0.58%	15.4%	25.4x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,146 ▬	0.02%	24.1%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,940 ▼	-0.14%	21.3%	17.9x	2.5x
DXV		97.1 ▼	-0.53%	-10.5%		
USDVND		26,189 ▼	-0.21%	2.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

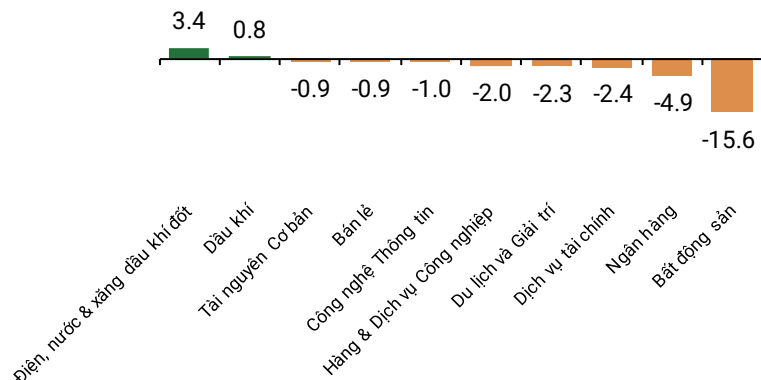
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.2%	8.8%	-11.6%	-15.9%
Dầu WTI	▲	3.1%	7.9%	-14.6%	-18.0%
Khí gas	▲	18.0%	42.5%	71.3%	54.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-13.7%	-7.9%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	0.4%	-5.4%	-5.0%
PVC (*)	▬	0.0%	2.4%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	1.3%	4.4%	15.3%	12.6%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.3%	1.2%	-6.1%	-8.0%
Bông Cotton	▼	-0.5%	-1.5%	-7.1%	-6.1%
Đường	▬	0.1%	-2.8%	-23.5%	-22.5%
World Container Index	▼	-9.5%	0.0%	-41.8%	-35.8%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.8%	23.3%	75.4%	92.4%
Vàng	▲	2.1%	12.3%	94.0%	83.8%
Bạc	▲	5.8%	37.7%	277.7%	256.9%

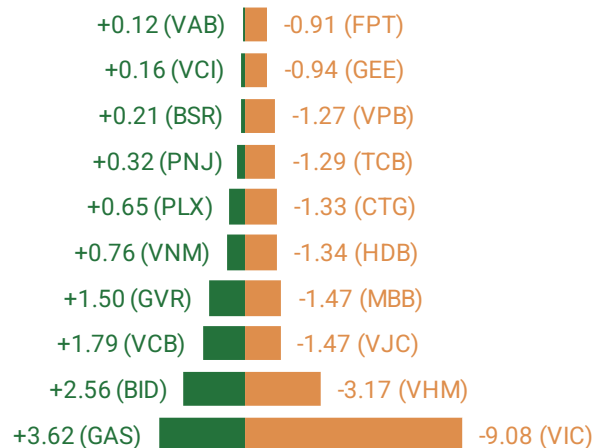
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

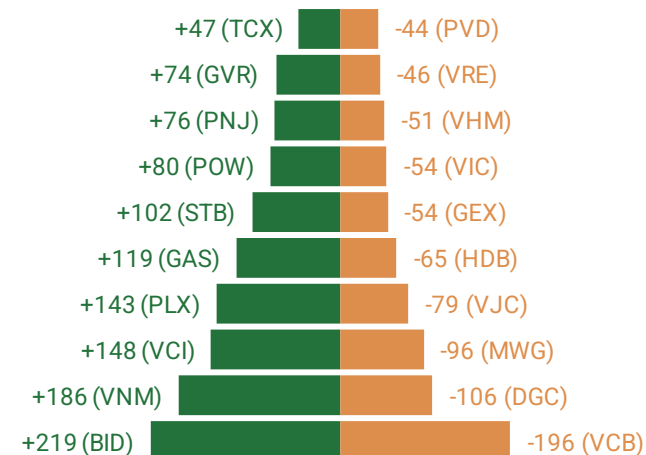


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

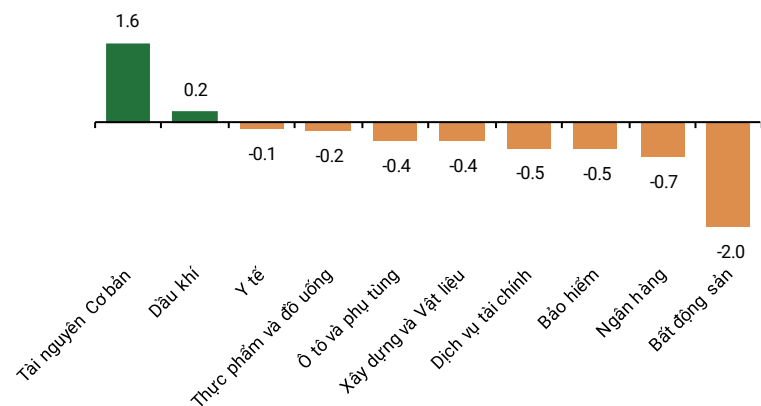


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

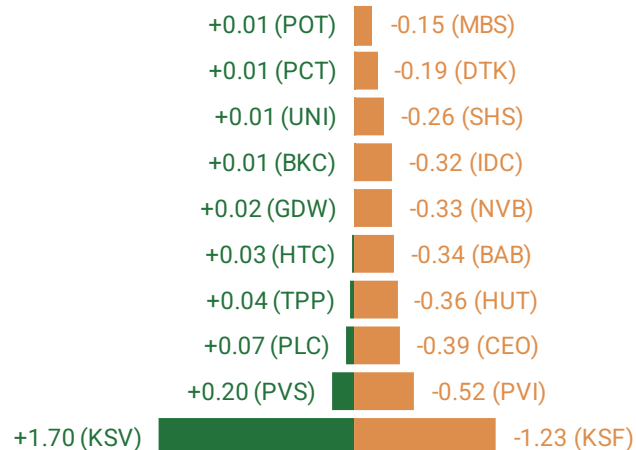
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



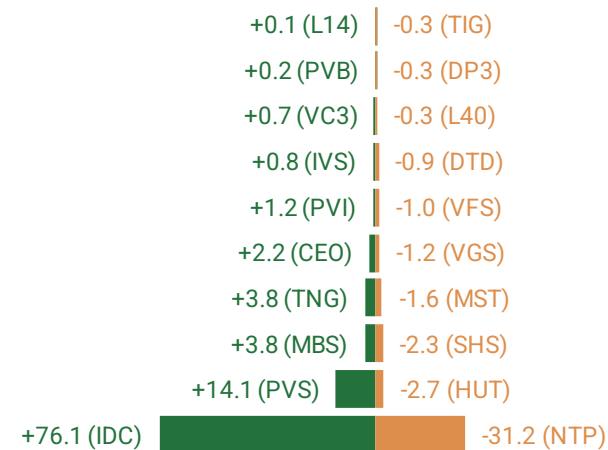
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



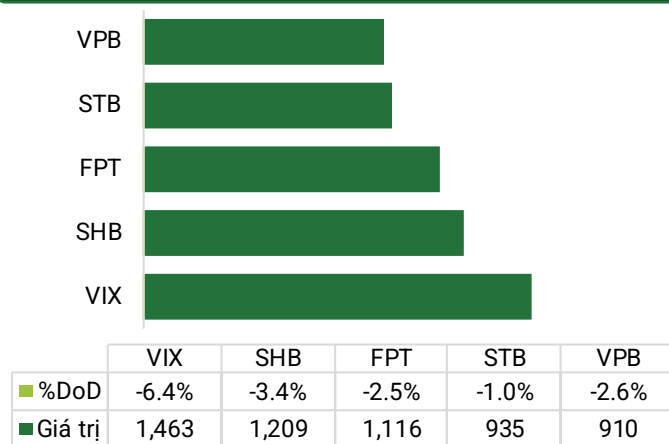
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



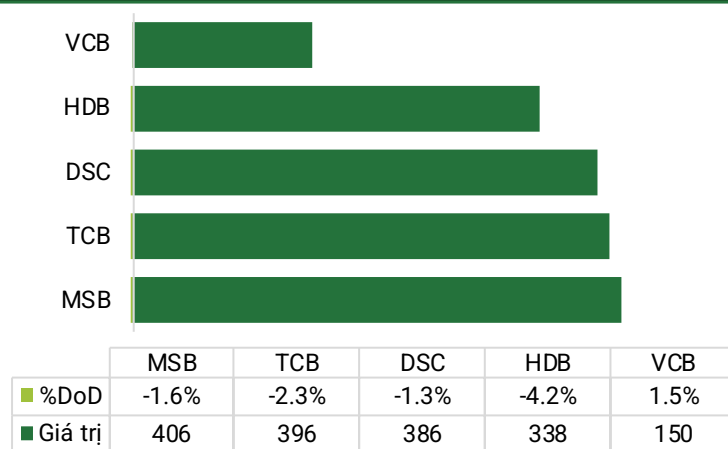
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

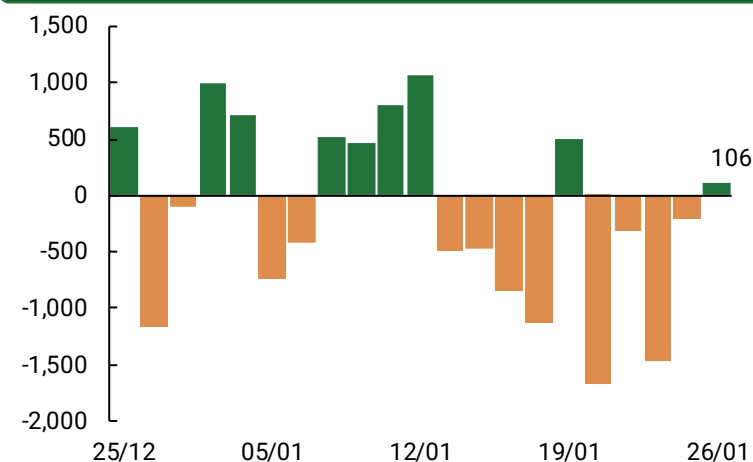


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

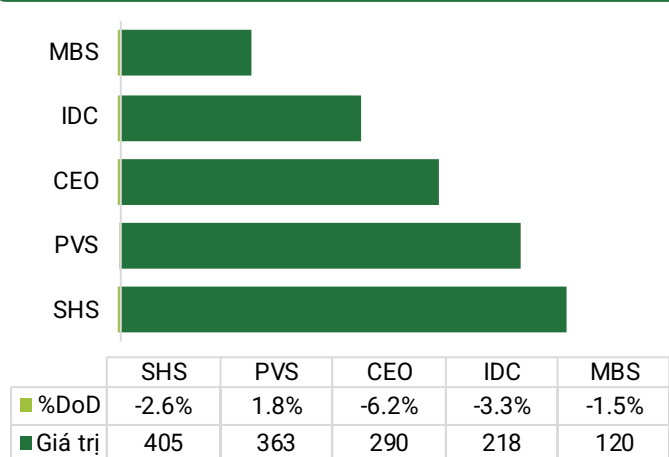


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

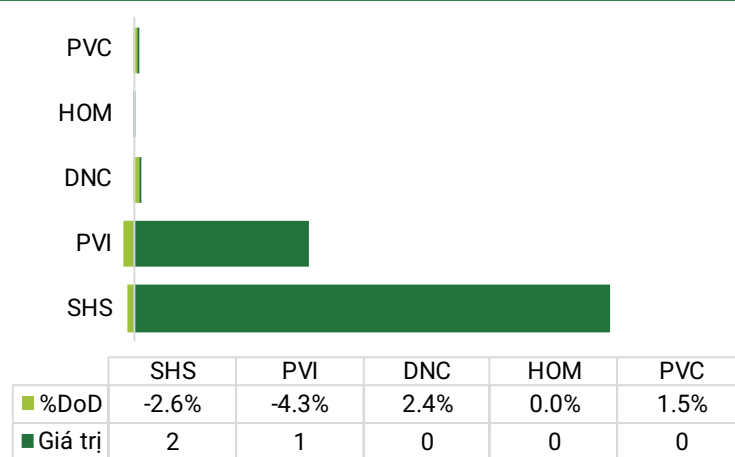
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



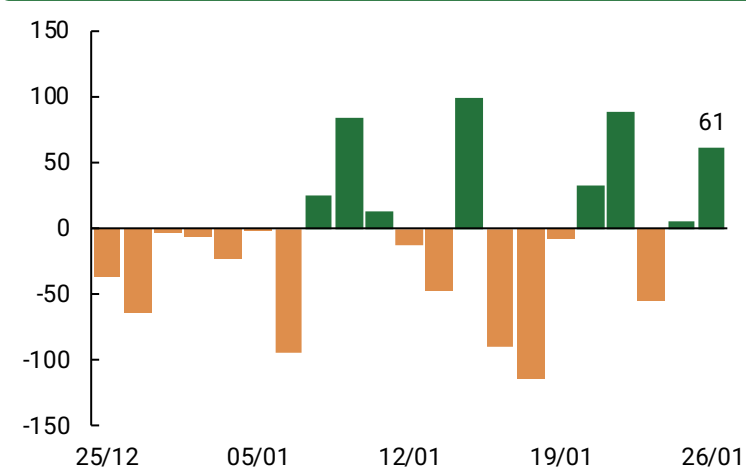
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Marubozu, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

Kịch bản: Lực cung tiếp tục chiếm ưu thế. Chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt cho thấy động lượng tăng chững lại. Hỗ trợ duy trì hiện quanh ngưỡng 1850 điểm, đã bị phá vỡ, nếu các phiên tới chỉ số không phục hồi dao động lên trên ngưỡng này, đà giảm có thể tiếp tục tìm về mốc thấp hơn, quanh ngưỡng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000 – 2020.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ 2050 sẽ gia tăng khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 2000 điểm. Dù giảm nhưng vol lại khá thấp cho thấy lực cầu bắt đáy chưa nhập cuộc. Áp lực điều chỉnh có lẽ còn chi phối dao động các phiên tới.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	ACB	SELL	Current price	24.80			P/E (x)	7.3
Exchange	HOSE		Action price	24.5 - 24.9			P/B (x)	1.4
Sector	Banks		Selling price	(27/1)	24.8 - 25	0.8%	EPS	3384.6
							ROE	19.9%
							Stock Rating	BBB
							Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giảm với biên độ cao.
 - Chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI đang trên đà giảm, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro thị trường: VN-Index có khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 1800 điểm, gây áp lực điều chỉnh lên mặt bằng chung cổ phiếu
- ➔ Rủi ro hạ nhiệt theo thị trường chung.
- ➔ Khuyến nghị Bán bảo toàn vốn, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio		
Ticker	KBC	SELL	Current price		33.80		P/E (x)	18.1	
Exchange	HOSE		Action price		35 - 35.5		P/B (x)	1.3	
Sector	Real Estate Holding & Development		Selling price		(27/1)	33.8 - 34.2	-3.5%	EPS	1872.3
								ROE	7.1%
								Stock Rating	BBB
							Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía lùi về dưới MA20, 50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro cao hơn nếu điều chỉnh dưới mức 33
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm.
- ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACB	Bán	27/01/2026	24.8	24.8 - 25	0.8%	28.0	13.4%	23.5	-4.9%	
2	KBC	Bán	27/01/2026	33.8	33.8 - 34.2	-3.5%	39.5	12.1%	33	-6.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	54.76	59 - 60	-8.0%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	77.30	79.4 - 79.9	-3.0%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	98.50	100 - 101	-2.0%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2036, giảm 40 điểm (-1.9%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế hoàn toàn trong phiên đẩy giá sụt giảm, nỗ lực phục hồi nhìn chung yếu ớt.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá bán, cùng với mẫu hình nền “rút chân” tại ngưỡng hỗ trợ 2030, cho thấy nhịp hồi kỹ thuật có khả năng tiếp tục. Dù vậy, xu hướng lớn vẫn đang nghiêng về điều chỉnh, nên theo dõi phản ứng tại khu vực cản gần quanh 2040 – 2045. Nếu giá phục hồi và suy yếu dưới vùng này, vị thế Short có thể tham gia. Trường hợp giá bật tăng trên ngưỡng 2046 vị thế Long có thể cân nhắc.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1914.1, giảm 36.4 điểm (-1.9%). Độ lệch basis +4.7 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 47 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900 - 1905, trong khi kháng cự là ngưỡng 1930 điểm.

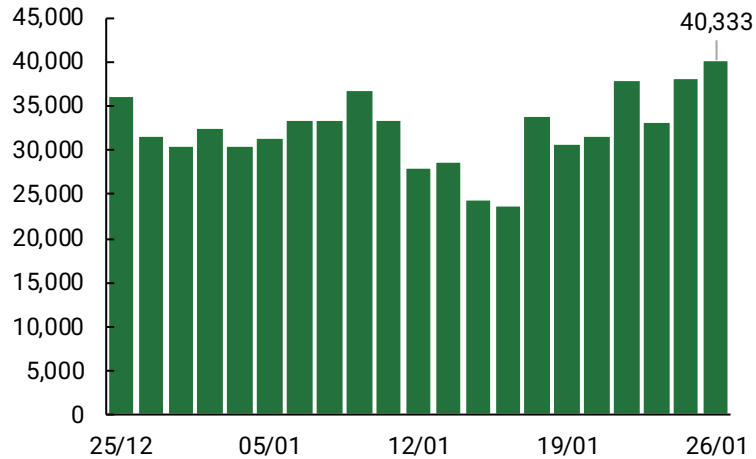
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2040	2028	2048	12 : 08
Short	< 2030	2018	2038	12 : 08
Long	> 2046	2058	2038	12 : 08

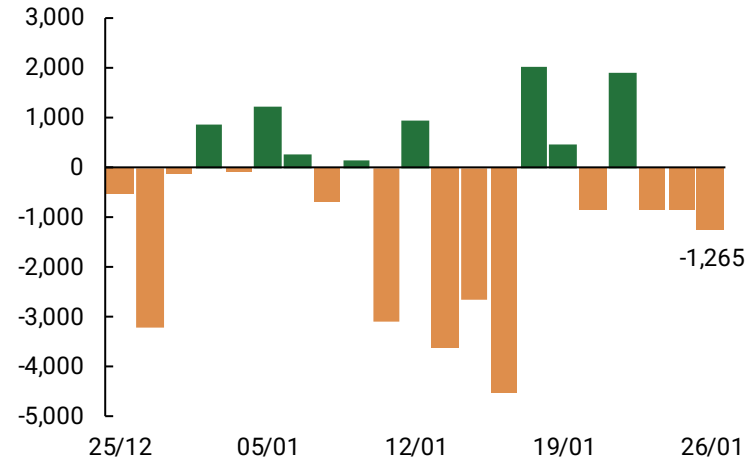
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,032.3	-46.0	69	115	2,045.4	-13.1	17/09/2026	234
4111G6000	2,035.0	-42.4	53	349	2,040.3	-5.3	18/06/2026	143
4111G3000	2,047.3	-28.7	922	1,728	2,035.2	12.1	19/03/2026	52
4111G2000	2,036.0	-40.0	264,755	40,333	2,033.3	2.7	13/02/2026	18
4112G2000	1,914.1	-36.4	47	30	1,910.3	3.8	13/02/2026	18

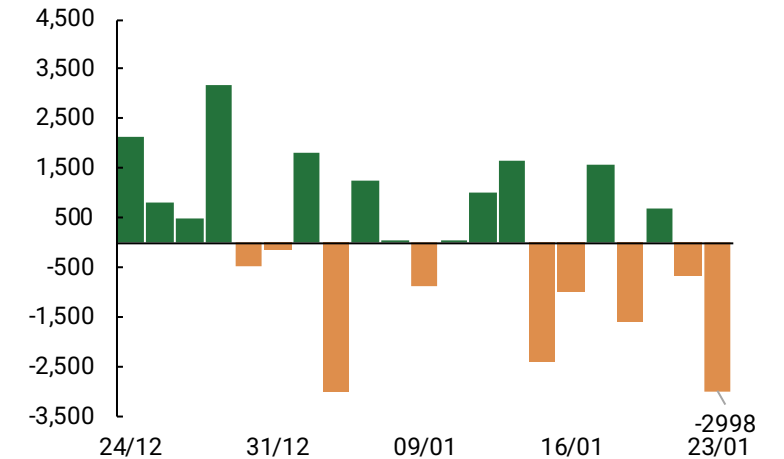
Khối lượng mở (Open interest)



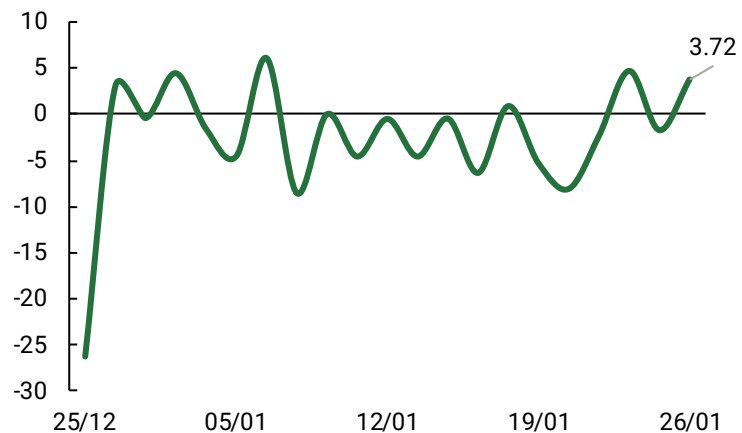
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



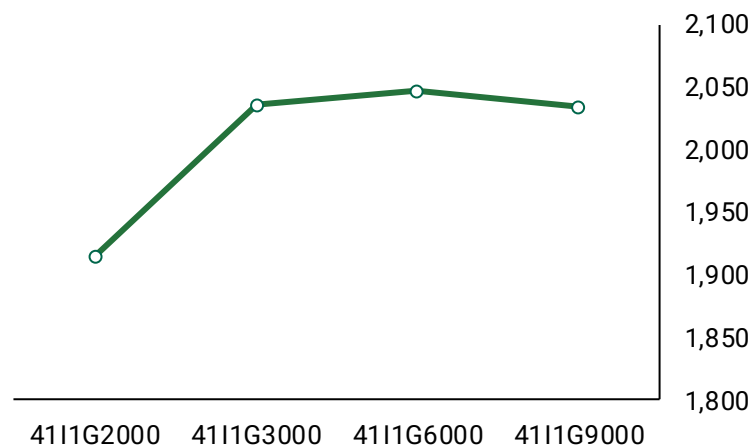
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



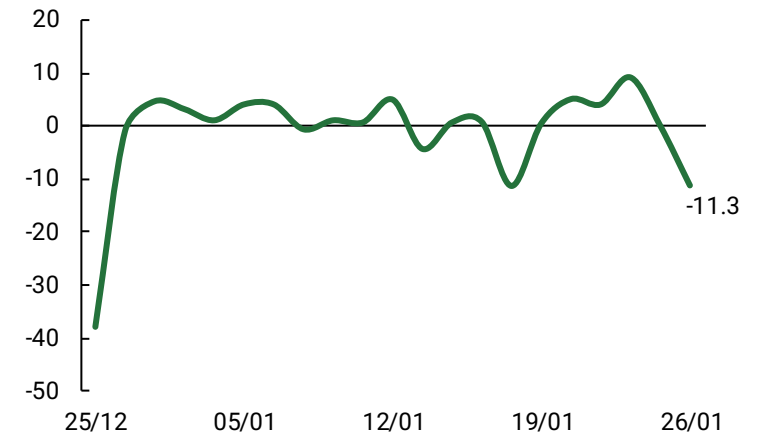
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,700	65,400	-11.3%	Bán
BCM	68,100	74,500	9.4%	Nắm giữ
CTD	76,900	87,050	13.2%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,050	27,200	18.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,600	68,000	31.8%	Mua
DDV	26,772	35,500	32.6%	Mua
DGC	68,800	99,300	44.3%	Mua
DGW	44,250	48,500	9.6%	Nắm giữ
DPG	44,400	53,100	19.6%	Tăng tỷ trọng
DPR	41,700	46,500	11.5%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,055	17,200	42.7%	Mua
EVF	11,300	14,400	27.4%	Mua
FRT	145,100	135,800	-6.4%	Giảm tỷ trọng
GMD	64,000	72,700	13.6%	Tăng tỷ trọng
HAH	56,300	67,600	20.1%	Mua
HDG	25,200	33,800	34.1%	Mua
HHV	12,300	12,300	0.0%	Nắm giữ
HPG	26,300	30,200	14.8%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,900	55,000	2.0%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,100	22,700	-13.0%	Bán
MSH	34,600	43,100	24.6%	Mua
MWG	84,100	92,500	10.0%	Nắm giữ
NLG	29,350	39,900	35.9%	Mua
NT2	26,000	27,400	5.4%	Nắm giữ
PHR	62,500	72,800	16.5%	Tăng tỷ trọng
PNJ	116,800	95,800	-18.0%	Bán
PVT	20,400	18,900	-7.4%	Giảm tỷ trọng
SAB	48,500	57,900	19.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,000	53,400	4.7%	Nắm giữ
TCB	35,650	35,650	0.0%	Nắm giữ
TCM	27,200	37,900	39.3%	Mua
TRC	82,500	95,800	16.1%	Tăng tỷ trọng
VCG	21,250	26,200	23.3%	Mua
VHC	60,000	60,000	0.0%	Nắm giữ
VNM	68,900	66,650	-3.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	20,350	17,900	-12.0%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tuần cao điểm của chính sách tiền tệ: Trong tuần này, tâm điểm của giới quan sát sẽ là cuộc họp chính sách đầu năm của Fed, dự kiến diễn ra trong hai ngày 27 - 28/1. Phần lớn chuyên gia dự đoán các quan chức sẽ giữ nguyên lãi suất, trái với ý muốn của Tổng thống Donald Trump. Các ngân hàng trung ương (NHTW) ở Canada, Brazil và Thụy Điển nhiều khả năng cũng sẽ duy trì mức lãi suất hiện tại. Bên cạnh đó, nhiều NHTW khác cũng sẽ ra quyết định lãi suất.

Ông Trump dọa áp thuế quan 100% đối với Canada, lý do có liên quan tới Trung Quốc: Vào ngày 24/1, Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa sẽ áp thuế quan 100% lên hàng hóa Canada nếu nước này đạt thỏa thuận thương mại với Trung Quốc.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VRE - Vincom Retail báo lãi sau thuế năm 2025 gần 6,500 tỷ đồng: Sau khi đã bàn giao gần hết các căn shophouse năm 2024, tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 8,837 tỷ đồng, đạt 92.8% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 6,446 tỷ đồng, tăng trưởng 57.4% và đạt 137% kế hoạch năm. Nếu như loại trừ lợi nhuận từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần Vincom Center Nguyễn Chí Thanh, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 105% kế hoạch năm.

VAB - VietABank báo lãi quý IV/2025 gấp đôi cùng kỳ, cả năm vượt 24% kế hoạch: Ngân hàng ghi nhận lợi nhuận quý IV/2025 tăng đột biến nhờ tăng trưởng thu nhập lãi thuần 46.1% và lợi nhuận trước thuế vượt 24%. Ngân hàng tối ưu danh mục tín dụng, đa dạng sản phẩm dịch vụ, đồng thời xử lý nợ hiệu quả.

SSB - Năm 2025, SeABank đạt 6,868 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế: Năm 2025, SeABank tái cơ cấu kinh doanh, lợi nhuận trước thuế đạt 6,868 tỷ đồng, tăng 13.73%; thu nhập ngoài lãi tăng 80.54%; tổng thu nhập hoạt động đạt 14,114 tỷ đồng; CIR giảm còn 33.01%, ROE đạt 14.62%. Tín dụng tăng 16.69%, nợ xấu duy trì dưới 3%, tài sản mở rộng 21.72%.

SSI hoàn tất tăng vốn lên gần 25,000 tỷ đồng: SSI hoàn tất phát hành 415.18 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên 24,932 tỷ đồng, thu về hơn 6,227 tỷ đồng. Nguồn vốn phân bổ tập trung vào cho vay margin (3,114 tỷ đồng), mảng tăng trưởng 92% quý IV/2025, và bổ sung vào các công cụ tài chính an toàn. Năm 2025, doanh thu tăng 54% lên 12,624 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt kỷ lục 3,917 tỷ đồng. Tổng tài sản gần 93,000 tỷ đồng, cho vay margin tăng mạnh, trong khi cổ phiếu niêm yết giảm sâu, tập trung vốn vào trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi.

NVL - Novaland chậm thanh toán hơn 110 tỷ đồng gốc trái phiếu: Novaland chậm thanh toán gần 112.2 tỷ đồng tiền gốc trái phiếu mã NVLH2123007 đáo hạn ngày 23/1/2026 do chưa thu xếp được nguồn tiền, chỉ thanh toán được hơn 625,=5 triệu đồng. Doanh nghiệp đang thương thảo với nhà đầu tư về phương án trả nợ. Với lô trái phiếu chuyển đổi NVLD2126009, Novaland cũng chưa thanh toán được hơn 8 triệu USD tiền lãi ngày 16/1/2026 và đang thương thảo giải quyết. Ngoài ra, Novaland cam kết góp thêm tối đa 600 tỷ đồng vào công ty con BĐS Tường Minh để tăng vốn cho dự án Aqua Marina City tại Đồng Nai.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415